

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TÊN CHƯƠNG TRÌNH	: PHÁP LUẬT
Mã ngành	: 5380101
Trình độ đào tạo	: Trung cấp
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh	: Học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương.
Thời gian đào tạo	: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo Trung cấp ngành pháp luật, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức tổng hợp về hệ thống pháp luật Việt Nam, có khả năng hiểu và phân tích được những quy định của pháp luật, vận dụng những quy định của pháp luật vào thực hiện các dịch vụ tư vấn pháp lý, các nhiệm vụ khác có liên quan đến pháp luật của tất cả các cơ quan, tổ chức thuộc mọi lĩnh vực của xã hội.

- Học sinh có khả năng nghiên cứu, có năng lực tự học để tiếp tục nâng cao và mở rộng kiến thức nhằm thích ứng với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Học sinh sau khi ra trường có thể làm những công việc liên quan đến pháp lý tại các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế...

1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức

- Hiểu rõ và vận dụng được những vấn đề lý luận về Nhà nước, về pháp luật và nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Hiểu rõ và vận dụng được các kiến thức và kỹ năng giải quyết một số các công việc cụ thể để vận dụng vào công tác quản lý hành chính nhà nước, công tác tư pháp, công tác tư vấn pháp lý và các nhiệm vụ khác liên quan đến pháp luật.

- Hiểu rõ được các quy định của pháp luật để từ đó có thể nhận biết các hạn chế, khiếm khuyết của pháp luật.

b. Về kỹ năng

- Tư vấn và xử lý được các vấn đề pháp lý liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, phá sản doanh nghiệp.

- Soạn thảo và kiểm tra tính pháp lý của các văn bản pháp luật do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Soạn thảo, ký kết và kiểm tra tính pháp lý của các loại hợp đồng thông dụng trong lĩnh vực thương mại, dân sự, lao động.

- Tư vấn và tham gia công tác tổ chức, quản lý, điều hành cơ quan, công sở.
- Thực hiện được công tác thi hành án, công tác hoà giải cơ sở, công tác thanh tra ở cấp cơ sở và công tác công chứng, chứng thực.
- Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong các hoạt động giao tiếp hàng ngày như kỹ năng làm quen, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng giải quyết xung đột và kỹ năng khắc phục khó khăn trong giao tiếp và việc vận dụng kỹ năng giao tiếp trong tìm kiếm việc làm và tại nơi làm việc; đặc biệt là có thể thực hiện hành vi ứng xử trong giao tiếp công vụ một cách chuẩn mực.

c. Thái độ nghề nghiệp

- Luôn tôn trọng và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan, động cơ nghề nghiệp đúng đắn, có văn hoá trong ứng xử, giao tiếp, có ý thức phục vụ nhân dân;
- Tận tâm với công việc, thái độ làm việc nghiêm túc, khoa học, cẩn trọng, chính xác, có trách nhiệm, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, biết làm việc độc lập và phối hợp với đồng nghiệp để hoàn thành tốt nhiệm vụ của bản thân và cơ quan, tổ chức;
- Có lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với gia đình, với công việc và xã hội.
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn và trình độ nghề nghiệp.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:

2. Khối lượng kiến thức và thời gian học toàn khoá:

- Số lượng môn học: 33 môn
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1680 giờ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 360 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1320 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 636 giờ; Thực hành, thực tập, bài tập: 978 giờ
- Thời gian khóa học: 2 năm

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				LT	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ BT/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	360	138	203	19
1	Giáo dục chính trị	2	30	4	24	2
2	Pháp luật	1	15	9	5	1
3	Tin học	2	45	15	29	1

Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				LT	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ BT/ thảo luận	Kiểm tra
4	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
5	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
6	Xã hội học đại cương	2	30	20	8	2
7	Tâm lý học đại cương	2	30	20	8	2
8	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2
9	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	45	21	21	3
II	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	63	1320	498	775	47
II.1	Kiến thức cơ sở ngành	9	165	90	69	6
10	Lý luận về Nhà nước và pháp luật	3	60	30	28	2
11	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	3	45	30	13	2
12	Luật Hiến pháp	3	60	30	28	2
II.2	Kiến thức chuyên ngành	43	840	348	460	32
13	Luật Hành chính	3	60	30	28	2
14	Luật Dân sự	3	60	30	28	2
15	Luật Hình sự	3	60	30	28	2
16	Luật Lao động	3	45	30	13	2
17	Luật Thương mại	3	45	30	13	2
18	Luật Hôn nhân và gia đình	3	45	30	13	2
19	Công pháp Quốc tế	2	30	20	8	2
20	Tư pháp Quốc tế	3	45	30	13	2
21	Luật Tố tụng Dân sự	3	60	28	30	2
22	Luật Tố tụng Hình sự	3	60	28	30	2
23	Luật Thi hành án dân sự	3	60	28	30	2
24	Xây dựng văn bản pháp luật	2	30	20	8	2
25	Công tác hộ tịch	2	30	20	8	2
26	Thực tập xây dựng văn bản	2	60	-	58	2
27	Thực tập luật dân sự	2	60	-	58	2
28	Kiểm tập nghiệp vụ (tại các cơ quan công chứng, văn phòng công chứng, bộ phận tiếp nhận và thực hiện thủ tục hành chính tại UBND các cấp)	3	90	-	88	2
II.3	Tự chọn (chọn 2 trong 4	6	90	60	26	4

Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				LT	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ BT/ thảo luận	Kiểm tra
	học phần)					
29	Luật Tài chính	3	45	30	13	2
30	Luật Ngân hàng	3	45	30	13	2
31	Luật Môi trường	3	45	30	13	2
32	Luật Đất đai	3	45	30	13	2
III	Tốt nghiệp	5	225		220	5
33	Thực tập tốt nghiệp	5	225	-	220	5
Tổng cộng		83	1680	636	978	66

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Chương trình được thiết kế với thời gian đào tạo 2 năm với 4 học kỳ chính. Thời gian của các hoạt động trong năm học được tính theo tuần. Thời gian giảng dạy lý thuyết và thực hành các học phần được tính theo tiết.

- Nhà trường bố trí và điều chỉnh các môn học/học phần của các học kỳ sao cho đảm bảo được tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để học sinh học các môn khoa học cơ bản, cơ sở rồi mới học các môn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành.

- Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản được tiến hành tại trường, tổ chức thực tập được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

- Thực tập tốt nghiệp được tổ chức vào cuối học kỳ 4 năm thứ 2 sau khi học sinh đã học xong và đạt tất cả các môn học/học phần quy định. Cơ sở, địa bàn cho học sinh đi thực tế ngành phải phù hợp với từng ngành/chuyên ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu chuyên ngành đào tạo.

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Tất cả các học phần đều được tổ chức thi kết thúc học phần tương ứng với kế hoạch môn học.

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Đối với đào tạo theo niên chế:
 - + Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.
 - + Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.
 - + Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ thuật viên thực hành theo quy định của trường.
 - Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:
 - + Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.
 - + Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.
 - + Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ thuật viên thực hành theo quy định của trường.
- 4.4. Các chú ý khác (nếu có):

TRƯỜNG CAO ĐẲNG MIỀN NAM
HIỆU TRƯỞNG